

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LÂM ĐỒNG

Bản án số: 240/2025/DS-PT

Ngày: 17-9-2025

V/v: “Tranh chấp hợp đồng Dân sự
vay tài sản”.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Châu Thạch

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thành Tâm

Ông Bùi Đăng

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Tâm – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng: Bà Ngô Hoàng Thanh Hải – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 17 tháng 9 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng; xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 200/2025/TLPT-DS ngày 12 tháng 8 năm 2025 về tranh chấp: “Hợp đồng Dân sự vay tài sản”.

Do Bản án Dân sự sơ thẩm số 54/2025/DS-ST ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng (nay là Tòa án nhân dân khu vực 2 – Lâm Đồng) bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 389/2025/QĐ-PT ngày 20 tháng 8 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 196/2025/QĐ-PT ngày 10/9/2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lê Thị Kim L, sinh năm: 1972; cư trú tại thôn T, xã Đ, Lâm Đồng; vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Thái S, sinh năm: 1962; cư trú tại: thôn T, xã P, tỉnh Lâm Đồng, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền số 5223/01/2025/CCGD do Văn phòng C1 chứng nhận ngày 10/9/2025); có mặt.

Bị đơn: Vợ chồng ông Vũ Công C, sinh năm: 1963, bà Nguyễn Thị Hồng H, sinh năm: 1971; cư trú tại thôn T, xã Đ, Lâm Đồng; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Luật sư Nông Xuân H1, sinh năm: 1959; Địa chỉ: số A, đường B, phường X - Đ, tỉnh Lâm Đồng. Luật sư của Văn phòng L1 - Đoàn Luật sư tỉnh L; có mặt.

Người kháng cáo: Vợ chồng ông Vũ Công C, bà Nguyễn Thị Hồng H – Bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 16/8/2024 của bà Lê Thị Kim L, lời trình bày tại các bản tự khai và trong quá trình tham gia tố tụng tại giai đoạn sơ thẩm của ông Nguyễn Thái S, người đại diện theo ủy quyền của bà L, thì:

Do có quen biết và ở cùng thôn nên giữa bà L và vợ chồng ông C, bà H thường xuyên làm ăn qua lại với nhau, bà L thường cho vợ chồng ông C, bà H vay tiền nhiều lần, tất cả các khoản vay trước kia thì bị đơn đã trả xong. Đối với các khoản vay từ ngày 28/12/2021 đến ngày 01/8/2023 thì bà L và bà H thống nhất chốt lại số tiền gốc còn nợ là 2.290.000.000đ, hai bên viết giấy tay và ký xác nhận có thỏa thuận thời hạn trả gốc và tiền lãi. Các lần vay tiền cụ thể như sau: Ngày 28/12/2021 vay 600.000.000đ; ngày 05/4/2023 vay 500.000.000đ; ngày 08/4/2023 vay 100.000.000đ; ngày 19/4/2023 vay 400.000.000đ; ngày 21/4/2023 vay 220.000.000đ; ngày 02/5/2023 vay 400.000.000đ; ngày 28/7/2023 vay 70.000.000đ. Khi vay hai bên thỏa thuận lãi suất bằng lời nói là 2,5%/tháng/số tiền vay, thời hạn vay mỗi khoản là 30 ngày và bên vay phải thanh toán gốc và lãi theo thỏa thuận. Tuy nhiên, khi đến hạn trả nợ, mặc dù bà L đòi nhiều lần nhưng vợ chồng ông C, bà H cứ khất lần không trả. Theo giấy vay tiền hai bên ghi tổng cộng 2.290.000.000đ, ngày 01/8/2022 là do ghi nhầm năm, thực tế là ngày 01/8/2023 hai bên mới tiến hành chốt nợ.

Nay bà L có đơn khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông C, bà H có nghĩa vụ trả cho bà số tiền nợ gốc 2.290.000.000đ và tiền lãi suất là 1,66%/tháng kể từ ngày 01/8/2023 cho đến ngày Tòa án xét xử.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bà L yêu cầu vợ chồng ông C, bà H có nghĩa vụ trả toàn bộ số nợ gốc 2.290.000.000đ và tiền lãi theo mức lãi suất là 0,83%/tháng.

- Theo lời trình bày của bà Nguyễn Thị Hồng H thì: bà xác nhận là có vay tiền của bà L nhiều lần, những lần trước đó hai bên đã tính toán và bà đã thanh toán xong. Đến nay bà còn nợ bà L tổng cộng 2.290.000.000đ.

Hai bên thỏa thuận lãi suất bằng lời nói là 3.000đ/1.000.000đ/ngày. Mục đích bà vay tiền của bà L là để cho người thứ ba vay lại làm đảo hạn ngân hàng với mức lãi suất là 4.000đ/1.000.000đ/ngày, lấy lãi chênh lệch là 1.000đ/1.000.000đ/ngày để chi tiêu sinh hoạt gia đình; khi đảo hạn xong bà sẽ trả nợ cho bà L. Tất cả các khoản vay trên bà đã trả lãi cho bà L theo thỏa thuận, tính đến ngày 01/8/2023 thì đã trả được khoảng 1.400.000.000đ tiền lãi bằng hình thức chuyển khoản và tiền

mặt. Do bà không lấy được nợ từ những người bà cho vay đáo hạn nên từ ngày 01/8/2023 đến nay bà không có tiền trả lãi cho bà L nên bà L đã khởi kiện bà.

Trong thực tế số nợ nói trên là nợ riêng của bà, không liên quan đến chồng bà là ông Vũ Công C nên nay bà đồng ý trả cho bà L số tiền 2.290.000.000đ nợ gốc, do khó khăn nên bà đề nghị bà L không tính tiền lãi đối với số tiền này.

- Theo lời trình bày của ông Vũ Công C thì: ông không đồng ý với nội dung đơn khởi kiện của bà L vì ông không liên quan gì đến việc vay tiền của vợ ông với bà L. Việc vợ ông vay tiền của bà L bằng hình thức nào thì ông không biết nên ông không đồng ý trả nợ cho bà L.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không thành.

Tại Bản án số 54/2025/DS-ST ngày 27 tháng 6 năm 2025; Tòa án nhân dân huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng (nay là Tòa án nhân dân khu vực 2 – Lâm Đồng) đã xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị Kim L. Buộc bị đơn vợ chồng ông Vũ Công C, bà Nguyễn Thị Hồng H có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Lê Thị Kim L số tiền 2.290.000.000đ nợ gốc và 434.626.700đ tiền lãi suất, tổng cộng 2.724.626.700đ.

Ngoài ra, Bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo và trách nhiệm thi hành án của các bên đương sự.

Ngày 07/7/2025 ông Vũ Công C có đơn kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm chỉ tuyên buộc bà H có trách nhiệm trả nợ cho bà L.

Ngày 07/7/2025 bà Nguyễn Thị Hồng H có đơn kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm hủy Bản án sơ thẩm với lý do Tòa án cấp sơ thẩm không đưa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vào tham gia vụ án theo yêu cầu của bà; xác định khoản nợ của bà L là nợ riêng của bà.

Tại phiên tòa,

Vợ chồng ông Vũ Công C, bà Nguyễn Thị Hồng H vẫn giữ nguyên kháng cáo.

Ông Nguyễn Thái S, người đại diện theo ủy quyền của bà Lê Thị Kim L, không đồng ý với kháng cáo của vợ chồng ông C, bà H; đề nghị giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng phát biểu về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự tại giai đoạn phúc thẩm cũng như phiên tòa hôm nay: đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Về nội dung: đề nghị không chấp nhận kháng cáo của vợ chồng ông C, bà H; giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Quan hệ tranh chấp giữa các bên đã được Tòa án cấp sơ thẩm xác định theo đúng quy định của pháp luật; đơn kháng cáo của vợ chồng ông Vũ Công C, bà Nguyễn Thị Hồng H; thủ tục kháng cáo được thực hiện đúng theo quy định tại các Điều 271, 272, 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 nên đủ điều kiện để Hội đồng xét xử xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Qua xem xét thì thấy rằng: tại xác nhận nợ thể hiện từ ngày 28/12/2021 đến ngày 28/7/2023 bà H có vay của bà L nhiều lần, cụ thể: ngày 28/12/2021 vay 600.000.000đ; ngày 05/4/2023 vay 500.000.000đ; ngày 08/4/2023 vay 100.000.000đ; ngày 19/4/2023 vay 400.000.000đ; ngày 21/4/2023 vay 220.000.000đ; ngày 02/5/2023 vay 400.000.000đ; ngày 28/7/2023 vay 70.000.000đ, khi vay bà H có ký nhận nợ. Ngày 01/8/2023 hai bên chốt nợ với nội dung bà H còn nợ bà L 2.290.000.000đ. Bà H thừa nhận có nợ số tiền nói trên. Xét thấy việc vay tiền giữa bà L và bà H được xác lập trên cơ sở tự nguyện của các bên, được các bên thừa nhận về số tiền cho vay và số tiền hiện nay còn nợ, do vậy đây là những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo Điều 92 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Nay nguyên đơn có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án buộc bên vay phải có nghĩa vụ trả số tiền còn nợ là có căn cứ.

[3] Đối với tiền lãi thì thấy rằng: giấy vay, chốt nợ giữa bà L và bà H không thể hiện lãi suất, tuy nhiên cả hai bên đều thừa nhận việc cho vay nói trên có lãi, chỉ mâu thuẫn mức lãi suất đối với số tiền đã vay. Cấp sơ thẩm căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015 để tính lãi để buộc bị đơn phải trả là $2.290.000.000đ \times 0,83\%/tháng \times 22 tháng$ 26 ngày (01/8/2023 đến 27/6/2025) = 434.626.700đ là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[4] Đối với việc bà L yêu cầu vợ chồng ông C, bà H cùng phải có nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn thì thấy rằng: Dù giấy nhận nợ không có chữ ký của ông C. Tuy nhiên, các khoản vay nói trên phát sinh trong thời kỳ hôn nhân của ông C, bà H còn tồn tại. Quá trình giải quyết vụ án bà H thừa nhận việc vay tiền của bà L để nhằm mục đích cho người thứ ba vay lại để lấy lãi cao hơn, một phần bà trả lãi cho bà L, số lãi chênh lệch một phần bà lại cho người thứ ba vay để lấy lãi, một phần bà dùng để chi tiêu sinh hoạt gia đình, do là vợ nên bà là người quản lý các chi tiêu sinh hoạt.

Đồng thời, ông C trình bày khoản nợ này bà H vợ ông vay của L để cho người thứ ba vay lại lấy lãi. Hiện nay người thứ ba có hứa sẽ trả nợ cho bà H vợ ông. Nếu trường hợp người thứ ba trả tiền nợ cho bà H vợ ông thì ông sẽ có trách nhiệm đôn đốc bà H trả nợ cho bà L. Sau này nếu bà H làm ăn dành dụm được bao nhiêu tiền thì ông sẽ đề nghị bà H trả nợ cho bà L. Như vậy có căn cứ khẳng định ông C biết bà H vay tiền của bà L để cho người khác vay lại lấy lãi cao hơn, lợi nhuận thu được bà H sử dụng vào chi phí sinh hoạt chung của gia đình.

Theo quy định tại Điều 27, khoản 1 Điều 30, Điều 37 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì các giao dịch do một bên vợ hoặc chồng thực hiện mà nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình thì giao dịch đó là nghĩa vụ chung của vợ chồng. Do đó Tòa án cấp sơ thẩm buộc vợ chồng ông C, bà H có nghĩa vụ trả cho bà L số tiền 2.290.000.000đ nợ gốc và tiền lãi suất là có căn cứ.

[5] Theo quy định tại khoản 1 Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì vợ chồng có các nghĩa vụ chung về tài sản sau đây: “Nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch do vợ chồng cùng thỏa thuận xác lập, nghĩa vụ bồi thường thiệt hại mà theo quy định của pháp luật vợ chồng cùng phải chịu trách nhiệm”; cấp sơ thẩm lại tuyên vợ chồng T, bà V cùng có nghĩa vụ “liên đới” trả tiền cho nguyên đơn là không cần thiết nên cần sửa lại cách tuyên.

[6] Từ những phân tích trên, vợ chồng ông Vũ Công C, bà Nguyễn Thị Hồng H có đơn kháng cáo nhưng không xuất trình được tài liệu, chứng cứ nào mới so với các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập tại giai đoạn sơ thẩm nên không có cơ sở chấp nhận kháng cáo bị đơn; giữ nguyên Bản án sơ thẩm về việc buộc vợ chồng ông C, bà H trả nợ; sửa cách tuyên là phù hợp.

[7] Về án phí:

Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà H phải chịu án phí Dân sự phúc thẩm đồng thời phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm tương ứng với số tiền phải trả cho nguyên đơn.

Miễn toàn bộ án phí Dân sự sơ thẩm và phúc thẩm cho ông C do là người cao tuổi.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;
- Căn cứ các Điều 463, 466 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 26, khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của vợ chồng ông Vũ Công C, bà Nguyễn Thị Hồng H; sửa Bản án Dân sự sơ thẩm số 02/2025/DS - ST ngày 27/6/2025 của Tòa án nhân dân huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng (nay là Tòa án nhân dân khu vực 2 – Lâm Đồng).

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Kim L về việc: “*Tranh chấp hợp đồng Dân sự vay tài sản*” đối với vợ chồng ông Vũ Công C, bà Nguyễn Thị Hồng H.

2. Buộc vợ chồng ông Vũ Công C, bà Nguyễn Thị Hồng H có trách nhiệm trả cho bà Lê Thị Kim L số tiền 2.724.626.700đ (hai tỷ bảy trăm hai mươi bốn triệu sáu trăm hai mươi sáu nghìn bảy trăm đồng), trong đó nợ gốc là 2.290.000.000đ (hai tỷ hai trăm chín mươi triệu đồng), nợ lãi là 434.626.700đ (bốn trăm ba mươi bốn triệu sáu trăm hai mươi sáu nghìn bảy trăm đồng).

3. Về án phí:

- Án phí sơ thẩm:

Miễn án phí Dân sự sơ thẩm cho ông Vũ Công C.

Bà Nguyễn Thị Hồng H phải chịu 43.246.200đ án phí Dân sự sơ thẩm.

Bà Lê Thị Kim L không phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm; bà L được nhận lại số tiền 48.023.360đ tạm ứng án phí Dân sự sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000058 ngày 10/10/2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng (nay là Phòng Thi hành án Dân sự khu vực 2 – Lâm Đồng).

- Án phí phúc thẩm:

Bà Nguyễn Thị Hồng H phải chịu 300.000đ án phí Dân sự phúc thẩm; được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí Dân sự phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000586 ngày 16/7/2025 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng (nay là Phòng Thi hành án Dân sự khu vực 2 – Lâm Đồng). Bà H đã nộp đủ án phí Dân sự phúc thẩm.

Miễn án phí Dân sự phúc thẩm cho ông Vũ Công C.

4. Về nghĩa vụ thi hành án:

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Lâm Đồng (01);
- Phòng Gđ – Ktr, Ttr & THA (01);
- TAND khu vực 2 – Lâm Đồng (01);
- Phòng THADS KV2 - Lâm Đồng (01);
- Các đương sự (02);
- Lưu: bộ phận lưu trữ, hồ sơ vụ án (03).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Châu Thạch